

PHẬT NÓI KINH TRÌ MINH TẶNG DU GIÀ ĐẠI GIÁO
TÔN NA BỒ TÁT ĐẠI MINH THÀNH TỰU NGHI QUỸ
QUYỂN THỨ TƯ

Long Thọ Bồ Tát lược trích từ TRÌ MINH TẶNG

*Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_Triều Tán Đại Phu Thích Quang Lộc
Khanh_Minh Giáo Đại Sư (kẻ bày tôi là) PHÁP HIỂN phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH*

PHÁP TRÌ TỤNG CỦA TÔN NA
PHẦN THỨ SÁU (Chi hai)

Tiếp lại kết **Như Lai Bộ Tam Muội Ấn**. Hai tay nắm quyền duỗi ngón cái thì thành Ấn. Tùy theo Ấn tụng **Như Lai Bộ Tam Muội Minh** lúc trước để tự ủng hộ.

Tiếp kết **Tôn Na Bồ Tát Căn Bản Ấn**. Hai tay nắm quyền, hai ngón giữa như cây kim, đặt hai ngón trỏ ở lóng ngón giữa, để hai ngón cái bên cạnh ngón trỏ rồi đặt trên đỉnh đầu thì thành Ấn. Lúc kết Ấn này thời tụng **Tôn Na Bồ Tát Căn Bản Đại Minh** rồi ở ngay thân của mình làm đại ủng hộ. Hành Nhân vào lúc kết Ấn tụng Minh sẽ được Tôn Na Bồ Tát vui vẻ nhìn ngó.

Tiếp kết **Đầu Ấn** : Chắp hai tay lại, co hai ngón cái vào trong lòng bàn tay thì thành Ấn. Tùy theo Ấn tụng **Đầu Đại Minh** là:

Ấn, tôn, hột-ly (1)

ॐ वृ णः

OM_CUÑ HRÌḤ

Tiếp kết **Đỉnh Ấn** : Dùng Ấn lúc trước, sửa ngón cái phải vịn lóng giữa của ngón giữa phải thì thành Ấn. Tùy theo Ấn tụng **Đỉnh Đại Minh** là:

Ấn, tôn, hồng (1)

ॐ वृ णः ह्रः

OM_CUÑ HÙM

Tiếp kết **Tâm Ấn** ; Hai tay nắm quyền, hơi duỗi hai ngón trỏ thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Tâm Đại Minh** là:

Ấn, Tôn, phát tra (1)

ॐ वृ णः ढ्रः

OM_CUÑ PHAT

Tiếp kết **Giáp Trụ Ấn** : Dùng Đỉnh Ấn lúc trước, lại bung hai bàn tay thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Giáp Trụ Đại Minh** là:

An, tôn, mãn đà (1)

ॐ वृ ण वृ

OM_CUṆ BANDHA

Tiếp kết **Bản Bộ Mẫu Ấn** cũng gọi là **Phật Nhãn Ấn** . Chắp hai tay lại đỉnh lễ, co hai ngón trở vịn lóng ngón giữa, co hai ngón cái vào bên trong lòng bàn tay thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Cam Lộ Quân Trà Lợi Đại Minh** lúc trước

Tiếp kết **Bản Bộ Tôn Ấn** . Đưa hai ngón vô danh vào lòng bàn tay lay động. Tiếp để hai ngón giữa như cây kim, duỗi thẳng hai ngón trở đặt ở lưng ngón giữa, duỗi hai ngón cái đặt ở lóng thứ nhất của ngón giữa thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Bản Bộ Đại Minh** là:

Năng mạc tam mãn da (1) một đà nam (2) Câu la hột-ly (3) câu la hột-ly na dã (4)

ॐ नमः समंता बुद्धानं कुलं हृदि कुलं हृदये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ KULA HRĪḤ _ KULA HRDAYA

Tụng Minh này xong. Lấy cái bát thật sạch chứa đầy nước thơm. Lại dùng **Cam Lộ Quân Trà Lợi Đại Minh** bảy biến , ở Đạo Trường bắt đầu từ góc Đông Bắc rải tịnh bốn phương với Phát Khiển Ma Chướng

Tiếp kết **Thỉnh Triệu Ấn** . Dùng Căn Bản Ấn lúc trước, sửa hai ngón cái, co như móc câu thì thành Ấn. Dùng Ấn này Thỉnh Triệu Hiền Thánh. Tùy theo Ấn, tụng **Thỉnh Triệu Đại Minh** là:

I hứ, bà nga phộc đế (1) tôn na đà la ni (2) A nga tha (3) a nga tha (4) ma ma, bạc cật đát-dã (5) đát, tam ma duệ năng tá lý-già (6) bát la đế thế nan (7) bát-la tế na di (8)

ॐ एहि भगवति कुन्दहे धारणि अगच्छा अगच्छा ममा पक्षयता समये दासा ऎर्गहा प्रतच्छानम प्रतच्छा मे

EHI BHAGAVATI CUṆDHE DHĀRAṆĪ _ AGACCHA AGACCHA MAMA PAKṢĀYATĀ SAMAYE DA'SA ÀRGHA PRATĪCCHANĀM PRATĪCCHA ME

Tụng Minh này xong. Tưởng các Hiền Thánh tùy theo lời Triệu đi đến. Liên tụng **Cam Lộ Quân Trà Lợi** an trú Hiền Thánh xong.

Tiếp kết **Tam Muội Ấn** với tụng **Hiến Hiền Thánh Tòa Đại Minh**. Tam Muội Ấn là: Tay phải đem ngón cái đè móng ngón trở, các ngón còn lại như tướng Kim Cương thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Tam Muội Đại Minh** là:

An, thương yết lý, tam ma duệ, sa-phộc hạ (1)

ॐ संकरे समये स्वहा

OM _ SAMKARE SAMAYE _ SVĀHĀ

Tụng Minh này xong, Hành Nhân liền nói:” *Nguyện xin Bồ Tát ngồi ở Tòa này xong, an trú Đạo Trường, nhận sự cúng dường của con*”

Tiếp tụng **Bản Bộ Đại Minh** bảy biến gia trì vào nước thơm dùng làm Át Già.
Tụng **Bản Bộ Đại Minh** là:

Án, tá lệ (1) tổ lệ (2) tôn nỉ (3) A lý-già bà nga phộc đế (4) bát la đế tha, sa-phộc hạ (5)

ॐ वल वल वल मधु मगरा प्रगक म्द

OM_ CALE CULE CUṂDHE ÀRGHA BHAGAVATI PRATÌCCHA _ SVÀHÀ

Tiếp kết **Căn Bản Án** . Mật kết hai ngón cái, duỗi thẳng đặt ngang bằng thì thành **Án** với tụng Đại Minh ba biến gia trì vào nước Át Già lúc trước. Sau đó hướng mặt về phương Đông, quỳ gối dâng hiến Hiền Thánh. Đại Minh là:

Án, Ca ma la, sa-phộc hạ (1)

ॐ कमल म्द

OM_ KAMALA _ SVÀHÀ

Hiến Át Già xong, lại dùng **Cam Lộ Quân Trà Lợi Án** với tụng **Cam Lộ Quân Trà Lợi Đại Minh** kết **Kim Cương Giới** (Vajra Dhātu) để làm ủng hộ.

Tiếp kết **Thập Phương Giới** . Hai bàn tay kèm song song nhau. Trước tiên đem ngón giữa phải, ngón vô danh phải với ngón trỏ trái đặt ở lóng thứ nhất của ngón út trái. Lại đem ngón giữa trái, ngón vô danh trái với ngón trỏ phải đặt ở lóng thứ nhất của ngón út phải. Ngón trỏ, ngón út còn lại như cây kim. Lại đem ngón cái đặt ở lóng thứ nhất của ngón trỏ thì thành **Án**. Lúc kết **Án** này , tùy theo **Án** tụng **Kết Thập Phương Kim Cương Giới Đại Minh** là:

La dát-năng, phộc nhật-la năng đế (1) Án, sa la (2) sa la (3) phộc nhật-la , bát-la ca la, hồng, phát tra, sa-phộc hạ (4)

ॐ वल म्द ॐ म्द म्द वल म्द म्द ॐ म्द म्द

RATNA-VAJRA NÀDI_ OM SARA SARA _ VAJRA PRAKARA HÙM PHAT _ SVÀHÀ

Tiếp kết **Kim Cương Bán Nhạ La Án**. Liền dùng **Án** lúc trước, tách ngón cái ra thì thành **Án**. Tùy theo **Án**, tụng **Bán Nhạ La Đại Minh** là:

La dát-năng phộc nhật-la năng đế (1) Án, vĩ sa-phổ la (2) lạc khát-xoa, phộc nhật-la bá la (3) hồng , phát tra (4)

ॐ वल म्द ॐ वल म्द म्द वल म्द म्द ॐ म्द म्द

RATNA-VAJRA NÀDI_ OM_ VISPHURAD RAKṢA _ VAJRA PAMJALA HÙM PHAT

Tiếp kết **Hạ Phương Kết Giới Án** : Dùng **Án** lúc trước, sửa hai ngón cái, thẳng xuống bên dưới như cây kim thì thành **Án**. Tùy theo **Án**, tụng **Kết Hạ Phương Giới Đại Minh** là:

La dát-năng phộc nhật-la năng đế (1) Án, chỉ lý (2) chỉ lý (3) phộc nhật-la, phộc nhật-ly, bộ, văn đạt nễ (5) hồng, phát tra (6)

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० १ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९

RATNA-VAJRA NÀDI_ OM KÌLIKÌLA-VAJRA _ VAJRÌ BHUR
BANDHANI HÙM PHAT

Tiếp kết **Đại Ô Sắt Nị Sa Ấn** . Hai tay kèm song song nhau. Co hai ngón vô danh vào lòng bàn tay, hai ngón giữa như cây kim đặt ở lóng thứ ba của hai ngón cái. Lại để ngón cái, ngón vô danh như cây kim, đem ngón út đè lóng thứ ba. Lại để ngón út như cây kim đặt ở ngón trở như tướng Kim Cương thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Ô Sắt Nị Sa Đại Minh** là:

Ấn, thương yết-ly (1) ma hạ tam ma duệ, sa-phộc hạ (2)

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० १ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९

OM _ SAMKARE MAHÀ SAMAYE _ SVÀHÀ

Dùng Ấn với Đại Minh của nhóm như vậy tác **Kết Giới** xong. Hành Nhân hưởng về Bản Tôn, Hiền Thánh cung kính làm lễ.

Tiếp kết **Căn Bản Ấn**. Co lóng giữa của hai ngón cái thì thành Ấn. Kết Ấn này, tụng Đại Minh, quỳ gối hiến Át Già dùng rượu tắm Hiền Thánh. Đại Minh là:

Ấn, tả, sa-phộc hạ (1)

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० १ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९

OM _ CA _ SVÀHÀ

Tiếp kết **Đồ Hương Ấn**. Đem ngón cái phải đặt ở lóng thứ nhất của ngón trở phải, lại bung duỗi rộng thì thành Ấn. Kết Ấn này, tụng **Đồ Hương Đại Minh** là:

Ấn, tôn, sa-phộc hạ (1)

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० १ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९

OM_ CUÑ _ SVÀHÀ

Tiếp kết **Hoa Ấn**. Tay phải đem ngón cái và lóng thứ nhất của ngón trở cùng vịn nhau thì thành Ấn. Dùng Ấn này hiến hoa, tụng **Hoa Đại Minh** là:

Ấn, tôn, sa-phộc hạ (1)

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० १ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९

OM_ CUÑ _ SVÀHÀ

Tiếp kết **Hương Ấn**. Đem ngón giữa và ngón cái của tay phải cùng vịn nhau thì thành Ấn. Dùng Ấn này hiến hương đốt, tụng **Hương Đại Minh** là:

Ấn, lệ, sa-phộc hạ (1)

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० १ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९

OM _ LE _ SVÀHÀ

Tiếp kết **Đăng Ấn** . Tay trái đem ngón cái đè lóng của ngón giữa thì thành Ấn. Kết Ấn này, tụng **Hiến Đăng Đại Minh** là:

Ấn, nĩ, sa-phộc hạ (1)

ॐ ध सूह
OM _ DHE _ SVÀHÀ

Tiếp kết **Xuất Sinh Ấn**. Tay trái đem ngón cái đặt ở lóng thứ nhất của ngón giữa thì thành Ấn. Kết Ấn này hiến thức ăn. Tụng **Hiển Thực Đại Minh** là:

Ấn, Tổ, sa-phộc hạ (1)

ॐ व सूह
OM _ CU _ SVÀHÀ

Như vậy kết Ấn , tụng Minh làm mọi thứ cúng dường phụng hiến tất cả Hiền Thánh trong Mạn Noa La xong.

Lại tác quán tưởng : “*Trong tất cả Thế Gian có bao nhiêu thứ vật cúng dường được nhìn thấy , nghe thấy , Hành Nhân vận Tâm đem cúng dường tất cả Hiền Thánh ở mười phương*”

Lại kết **Phổ Cúng Dường Ấn**. Trước tiên chấp tay đỉnh lễ xong, lại đem mười ngón tay cùng giao nhau thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Phổ Cúng Dường Đại Minh** là:

Năng mặc tát lý-phộc một đà (1) mạo địa tát đỏa nam (2) Tát lý-phộc tha (3) ô nột-nga đế, sa-bà la hứ hàm (4) nga nga năng kiếm, sa-phộc hạ (5)

ॐ म सू व सू व व व व व व

म सू व व व व व व व व व व व व व व व

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVĀNĀM

SARVATHÀ KHAM UDGATE SPHARA HĪMAM GAGANAKAM _
SVÀHÀ

Như vậy cúng dường khắp xong.

Tiếp dùng Kệ ca ngợi Tam Bảo với nhóm Quán Tự Tại, Kim Cương Thủ Bồ Tát.

Ca ngợi Phật là:

Đức Phật Đại Từ Bi

Điều phục các Hữu Tình

Trú biển Công Đức Phước

Vì thế con tán lễ

Ca ngợi Pháp là:

Lìa dục, vui vắng lặng (tịch tĩnh)

Hay đoạn các nẻo ác

Thuần một Lý Chân Như

Vì thế con tán lễ

Ca ngợi Tăng là:

Bền chắc giữ Thi La (‘Sila_ Giới Thanh Lương)

Chứng được Đạo Giải Thoát

Trú cõi Công Đức lớn

Vì thế con tán lễ

Ca ngợi chư Hiền Thánh là

Đát tông nĩ vĩ, táp bát-đa nhạ năng , câu chi, la tỳ bát-la dụ nga

Nại dã sa-đa , nại-dã tha bát na dục đế năng, tả lệ tổ lệ năng

Dục cật đa ma thí sa nột lý đa, bát-la xá ma dã, tôn nễ

Toa hạ phộc đế , tam ma la, đế đát tả câu đổ vĩ bát đế

Tát lý-phộc một đà-duệ, bát-la thiết sa dã, tam bột-lý đá dã, ngu ni lý ngu

lỗ

A phộc lộ cát đa tác nghê-dã, dã năng mô nĩnh đát-dã, ma hạ đát-ma nễ

Ma hạ ma la dã, tán noa dã, vĩ nễ-dã la nhạ dã, sa đạt phệ

Nột lý-nan đa ma ca dã, thất-tả năng ma tát-đế, phộc nhật-la bá noa duệ

Lại nữa Hành Nhân tán thán như vậy xong. Lại nói lời Sám Hối là:” *Đệ Tử (Họ tên....) từ vô thủy cho đến nay, ở trong Luân Hồi tạo nghiệp chẳng lành, hoặc tự làm hoặc dạy người làm cho đến thấy nghe đều tùy vui với tất cả sự Bất Thiện. Nay đối trước Tam Bảo xin phát lộ sám hối. Từ nay trở đi, con xin phụng trì Cấm Giới chẳng dám làm điều ác nữa. Lại từ nay trở đi đối với hết thảy các Đại Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn cho đến tất cả chúng sinh đã làm Pháp Lành thì con đều tùy vui”*

Nói xong liền kết **Căn Bản Ấn** , tụng **Căn Bản Minh** ba biến. Hành Nhân lại chấp tay bạch rằng:” *Con (Họ tên....) đã mời chư vị đến để cúng dường. Nếu chẳng được đầy đủ, hoặc quên mất thứ tự chẳng y theo Pháp Tắc, nguyện xin Bồ Tát với chúng Hiền Thánh, Đại Từ Đại Bi vui vẻ bỏ qua cho”*

Tiếp kết **Át Già Ấn** . Dùng Căn Bản Ấn lúc trước, chỉ sửa ngón cái đặt ở lóng thứ nhất của ngón trở thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Át Già Đại Minh** là:

An, tả lệ (1) tổ lệ (2) tôn nễ (3) A lý-già, bà nga phộc đế, bát-la đế tha, sa-phộc hạ (4)

ॐ ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म अथ महाव्रतं प्रतिक्रम्य

OM _ CALE CULE CUṄDHE _ ÀRGHA BHAGAVATI PRATÌCCHA _ SVÀHÀ

Lại nữa Hành Nhân quán tưởng thân của mình là **Tôn Na Bồ Tát**. Trước tiên kết Ấn, dùng hai tay nắm Kim Cương Quyên. Đặt hai ngón trở và ngón út như cây kim. Tiếp duỗi các ngón còn lại cũng như cây kim thì thành Ấn. Lúc kết Ấn này thời quán tưởng thân mình thành Tôn Na Bồ Tát.

Ở trên đỉnh đầu hiện chữ **ÁN** (ॐ-OM) là Như Lai Ô Sắt Nị Xá (Tathàgata Uṣṇiṣa_ Như Lai Đỉnh)

Tiếp ở hai con mắt hiện chữ **TẢ** (ॡ-CA) thành Ô Sắt Nị Sa Đại Luân (Uṣṇiṣa mahà cakra _ Đỉnh Đại Luân)

Tiếp ở trên cổ hiện chữ **LỆ** (ॢ -LE) thành Bất Động Tôn Minh Vương (Acala-nàtha-vidyàràja) tay cầm Loa (vỏ ốc) với sợi dây

Lại tụng **Phật Nhân Đại Minh** bảy biến, kết Căn Bản Ấn, lại tụng Phật Nhân Minh ba biến hiến Át Già cho Hiền Thánh. Lại bạch rằng:” Nay con đem hết sự Trì Tụng này phụng hiến lên Bồ Tát với hiến hương, hoa, đèn, dầu thơm... để làm cúng dường”

Tiếp lại dùng Phật Nhân Đại Minh để tụng Ủng Hộ và Kết Giới

Tiếp dùng **A Tam Hàm Nghĩ Nễ Ấn** (Asamàngni Mudra) hộ năm nơi trên thân. **A Tam Hàm Nghĩ Nễ Ấn** : Hai bàn tay kèm song song nhau, đảo ngược đầu hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay; hai ngón giữa và hai ngón út như cây kim. Lại ngón trỏ như cây kim đặt bên cạnh hai ngón cái thẳng xuống dưới và đưa hai ngón vô danh vào lòng bàn tay thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **A Tam Hàm Nghĩ Nễ Đại Minh** là:

Ấn, a tam hàm nghĩ-nễ, vĩ la (1) nại duệ đế (2) hồng, phát tra, sa-phộc hạ (3)

ॐ अममग्नि वीर दयते हूं ह्रूं ह्रूं

OM _ ASAMÀMGNI VÌRA DAYETE HÙM PHAT _ SVÀHÀ

Tiếp kết Căn Bản Ấn và tụng Đại Minh dùng để **Phát Khiển**, Tướng Ấn như trước. Đại Minh là:

Nga tha đế (1) cật-ly hệ đát-phệ hàm (2) hiến đường , bồ sất-bán (3) độ bán, mặt lãng (4) bát-la nỉ bán tả (5) lạc khật-xoa, bát-la đế hạ đa (6) phộc la bát-la cật-la di, sa-phộc hạ (7)

गच्छति अग्नि हित्वे माम् गन्धाम् पुष्पाम् धूपाम्
मलाम् प्रदिप्ता राक्ष्णा अपरतिहता वारा प्रग्रा मे स्वàहà
ॐ अग्नि हित्वे माम् गन्धाम् पुष्पाम् धूपाम्
मलाम् प्रदिप्ता राक्ष्णा अपरतिहता वारा प्रग्रा मे स्वàहà

GACCHATI AGRI HÌTVE MÀM GANDHÀM PUŞPÀM DHÙPÀM MÀLÀM PRADÌPTA RAKŞA APARATIHATA VARA PRAGRA ME SVÀHÀ

Như vậy **Phát Khiển** xong.

Lại cầm tràng hạt hương về trái tim làm Ủng Hộ. Lại kết Cam Lộ Quân Trà Lợi Ấn mà tụng ủng hộ xong. Sau đó đỉnh lễ chư Phật Bồ Tát rồi đứng dậy ra khỏi Đạo Trường. Chỉ được đọc Kinh Đại Thừa Phương Quảng, Hoa Nghiêm và Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hoặc xoa tô Mạn Noa La với làm Tháp Tượng, chẳng được nói chuyện Thế Tục với sách vở Thế Gian. Đây là Nghi Thức bình thường (Hằng Thức).

Lúc Hành Nhân ăn thời luôn dùng Tôn Na Bồ Tát Căn Bản Đại Minh gia trì xong, sau đó có thể ăn.

Hoặc lúc ngủ nghỉ cũng tụng Căn Bản Đại Minh làm ủng hộ xong liền có thể ngủ nghỉ. Căn Bản Đại Minh là:

Nãng mạc tam mãn đa (1) một đà nam (2) Ấn, phộc lan na nỉ (3) đế nhạ-du , ma lý nễ, sa-phộc hạ (4)

ॐ नमो ददते ते बुद्धानाम्

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM

OM _ VALIṀ DADE TEJE MÀLIṀI _ SVÀHÀ

Tiếp lại tuyên nói Pháp **Quán Tướng chữ vi diệu của Phật và Hiền Thánh**. Chữ này đều là căn bản của chư Phật, Hiền Thánh biểu thị cho **Lý Chân Thật** cho đến **Vô Tướng Trì Tụng** với Pháp của bốn loại thuộc nhóm Tứ Tai đều được diễn nói trong Pháp của Tôn Na. Nếu Hành Nhân tác Pháp Tứ Tai, Tăng Ích, Kính Ai, Giáng Phục ; đối với các Pháp này cần phải mỗi một như **Nghi** biết rõ

Nay sẽ lược nói về **chữ Vi Diệu**. Ở trong Mạn Noa La an bày 9 vị trí theo thứ tự là:

Thứ nhất ở góc Đông Bắc đặt chữ **ÁN** (OM - ॐ) .Thứ hai ở góc Đông Nam đặt chữ **TẢ** (CA - ॡ) .Tiếp chữ **LÊ** (LE - ॢ) . Tiếp chữ **TỐT** (CU - ॣ) . Như vậy an 4 góc xong.Tiếp ở vị trí trung ương đặt chữ **TÔN** (CU ॠ - ॡ) . Tiếp đặt chữ **LÊ** (LE - ॢ) . Tiếp đặt chữ **NỈ** (DHE - ॣ) .Tiếp đặt chữ **TOA** (SVÀ - ।) .Tiếp đặt chữ **HA** (HÀ - ॥) .

Chín chữ này tức là Căn Bản Đại Minh, thành 9 vị Hiền Thánh..

Lại nữa chữ **ÁN** (ॐ-OM) là Pháp Giới Vô Tướng
Chữ **TẢ** (ॡ-CA) là Đại Luân
Chữ **LÊ** (ॢ-LE) là Bất Động Tôn
Chữ **TỐT** (ॣ-CU) là Quán Tự Tại
Chữ **LÊ** (ॢ-LE) là Bất Không Quyển Sách Bồ Tát
Chữ **TÔN** (ॡ-CU ॠ) là Tôn Na Bồ Tát
Chữ **NỈ** (ॣ-DHE) là Kim Cương Thủ Bồ Tát
Chữ **TOA** (।-SVÀ) là Y Ca Nha Tra Bồ Tát
Chữ **HA** (॥-HÀ) là Phộc Nhật La Năng Khế Bồ Tát.
Chữ Vi Diệu của nhóm như vậy ở tất cả Đại Minh.

Nếu đem chữ **ÁN** làm đầu thì hay thành tựu tất cả Pháp
Nếu chữ **Tả** thì đối với ba Pháp Tứ Tai, Tăng Ích, Giáng Phục có thể lực lớn.
Chữ **Lệ** hay phá hoại Thiết Đốt Lỗ (‘Sàtru_ Oan Gia) cùng làm Pháp Phát Khiển với Pháp ủng hộ sẽ có công lực cực lớn

Chữ **Tốt** hay làm phá hoại với đánh tan quân địch như Kim Xí Diệu (Garuda) hay ăn loài Rồng (Nàga)

Chữ **Lệ** hay phá các đại ác có lực tối thắng

Chữ **Tôn** hay thành tựu tất cả việc, hay phá các cấm phộc kiên cố

Chữ **Nỉ** hay phá các Ma ác với các đại ác , cũng hay làm Pháp **Nhập Ngụ**

Chữ **Toa** hay tự ủng hộ với hay phá oán, cũng hay khiến làm Pháp **Bát Nhập Ngụ** (?)

Chữ **Ha** hay trừ đại độc với tất cả bệnh.

Chữ của nhóm như vậy giống **Bát Chính Đạo** hay khiến cho Hữu Tình giải thoát luân hồi, sau đó được Tịch Diệt.

Lại nữa Hành Nhân quán tướng chữ Vi Diệu như vậy ở thân phần của mình, mỗi mỗi hiện rõ trước mặt, Hoặc biến sắc tướng hoặc biến hình nghi. Nếu được hiện rõ như vậy trước mặt thì hay diệt được tất cả tội nghiệp trong thân, đoạn trừ phiền não.

Khởi đầu trong chữ AN (𑖀) hiện trên đầu có màu hoàng kim (vàng chóa)

Tiếp tướng chữ TẢ (𑖁) hiện ở hai con mắt cũng có màu vàng ròng

Tiếp tướng chữ LỆ (𑖂) hiện ở trên cổ có màu đen đậm.

Tiếp tướng chữ TỐT (𑖃) hiện ở lỗ rốn như màu sen hồng hoặc màu xanh đậm. Nơi hiện màu ấy tùy theo Pháp làm.

Tiếp tướng chữ LỆ (𑖂) hiện ở hai cánh tay hóa thành Tượng Hiền Thánh hoặc có màu vàng ròng hoặc có màu đỏ.

Tiếp tướng chữ TÔN (𑖄) hiện ở trên trái tim biến thành Tôn Na Bồ Tát có thân màu trắng.

Tướng chữ NỈ (𑖅) hiện ở hai bắp đùi

Tướng chữ TOA (𑖆) hiện ở hai bắp chuối chân

Tướng chữ HẠ (𑖇) hiện ở hai bàn chân

Tướng chữ như vậy ở trên thân phần của mình, mỗi mỗi hiện rõ trước mặt. Được hiện rõ trước mặt xong thì cắt đứt các phiền não, diệt tất cả tội cho đến hay khiến cho Nội Tâm sáng tỏ tinh khiết như tướng bụi che tùy theo phát phủi mà trong sạch, tinh tiến. Chư Thiên thấy đều kính yêu.

Lại nữa tướng chữ Vi Diệu biến thành **Bản Vị Hiền Thánh** .

Quán chữ thành bản thân Tôn Na Bồ Tát có thân màu trắng, mặt có ba mắt, có 18 cánh tay và toàn thân rực lửa, ngồi trên hoa sen trắng và ở trong thân hay sinh ra chư Phật.

Nếu quán chữ thành Đa La Bồ Tát (Tàrà-Bodhisatva) thì thân có màu xanh đậm, hiện tướng phần nộ lộ nanh bén nhọn ra bên ngoài, mặc áo da voi, một tay cầm cây kiếm, một tay cầm đầu lâu chứa đầy máu.

Nếu quán chữ thành Y Ca Nhạ Tra Bồ tát thì bên phải: Tay thứ nhất cầm cây gậy báu, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên trái : Tay thứ nhất cầm Kiệt Trung Nga (Khadga _ cây đao), tay thứ hai cầm đầu người nhỏ máu.

Nếu quán chữ thành Phộc Nhật La Năng Khế thì thân có màu như mặt trăng, hai tay bên phải cầm Kiếm với cây búa (Phủ Việt) , hai tay bên trái cầm sợi dây với hoa sen. Vị Phộc Nhật La Năng Khế này là thân sở hóa của Mã Đầu Minh Vương (Hayagriva-Vidyaraja) có uy lực lớn. Nếu bị Đắc Xoa Ca Long Vương (Takṣaka Nàgaraja) làm hại thì tất cả các lực không có thể cứu độ, chỉ có Phộc Nhật La Năng Khế mới có thể cứu tế được thôi. Nếu Hành Nhân dùng ở mọi nơi thì đều được thành tựu như Báu Như Ý, tất cả tùy theo **Tâm**

Lại nữa ở các Đại Minh thêm chữ sử dụng thì mỗi mỗi đều thành tựu Pháp.

Nếu thêm chữ **Ān** (OM) thì hay tác Cảnh Giác với làm Phát Khiển

Nếu thêm ba chữ **Ān, Lê, Hồng** (OM LE HÙM) thì sức hay chặt cắt

Nếu thêm năm chữ **Án, La, Hồng, Phát tra** (OM LA HÙM PHAT) thì sức hay kinh bố (làm cho sợ hãi) với hay phá hoại cũng hay ủng hộ.

Nếu thêm bốn chữ **Án, Tỏ, năng, mạc** (OM CU NAMAḤ) thì hay thành tựu Pháp Kính Ai

Nếu thêm ba chữ **Án, tỏ, hồng** (OM CU HÙM) thì hay đẩy lui quân địch (Tha Quân)

Nếu thêm bốn chữ **Án, Lệ, phát tra** (OM LE PHAT) thì chặn đứng được cuộc chiến đấu lớn.

Nếu làm Pháp Tức Tai (‘Sàntika) dùng Đại Minh này là:

Án, Tôn, a mẩu yết tả, phiến đỉnh, câu lỗ, sa-phộc hạ (1)

ॐ वृत् अम्यप्र षिं कुं सुद

OM CUṆ _ AMOGHAṢYA ‘SÀNTIM KURU _ SVÀHÀ

Nếu làm Pháp Tăng Ích (Puṣṭika) dùng Đại Minh này là:

Án, Tôn , a mẩu yết tả, lạc xoa di, câu lỗ, sa-phộc hạ (1)

ॐ वृत् अम्यप्र लक्ष कुं सुद

OM CUṆ _ AMOGHAṢYA LAKṢMI KURU _ SVÀHÀ

Nếu làm Pháp Kính Ai (Va’sikaraṇa) dùng Đại Minh này là:

Án, Tôn, năng mạc (1)

ॐ वृत् वृः

OM _ CUṆ _ NAMAḤ

Nếu vì chặn đứng cuộc chiến đấu lớn, dùng Đại Minh này là:

Án, Tôn nỉ, hồng, phát tra

ॐ वृत् हं रुद

OM _ CUṆDHE HÙM PHAT

Lại làm Pháp Tức Tai, tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó, nói việc cần cầu nguyện. Đại Minh là:

Tả lệ, tỏ lệ, tôn nỉ. A mẩu yết tả, phiến đỉnh, câu lỗ, sa-phộc hạ (1)

वृत् वृत् वृत् अम्यप्र षिं कुं सुद

CALE CULE CUṆDHE _ AMOGHAṢYA ‘SÀNTIM KURU _ SVÀHÀ

Lại làm Pháp Tăng Ích, tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó, nói việc cần cầu nguyện. Đại Minh là:

Án, tả lệ, tỏ lệ, tôn nỉ, sa-phộc hạ (1)

ॐ वृत् वृत् वृत् सुद

OM _ CALE CULE CUṆDHE _ SVÀHÀ

Lại làm Pháp Kính Ai, tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó , nói việc cần cầu nguyện. Đại Minh đồng với Pháp Tăng Ích.

Lại làm Pháp Giáng Phục (Abhicàruka) Tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó, nói việc cần cầu nguyện. Đại Minh là:

Năng mặc tả lệ , tổ lệ, tôn nĩ. A mẫu yết phộc thi, câu lỗ, sa-phộc hạ (1)

ॐ वल वल वल वल अमच वपि कु सु

NAMAḤ CALE CULE CUṄDHE _ AMOGHA VA'SI KURU _ SVÀHÀ

Lại làm Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi) . Tụng Đại Minh là:

An, tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ. A mẫu yết ma yết lý sa dã, hột-ly (1)

ॐ वल वल वल अमचमरुधय ह्री

OM CALE CULE CUṄDHE _ AMOGHAM AKARṢÀYA HRÌḤ

Lại Khu Trục (Xua đổi) Oan Gia . Tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó, nói việc cần mong cầu.Đại Minh là:

An, Tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ. A mẫu yết mẫu tá tra dã, hồng (1)

ॐ वल वल वल अमचमृष्टय हूं

OM CALE CULE CUṄDHE _ AMOGHAM UCCÀṬÀYA HÙM

Lại có Pháp phá hoại Ma Oán. Đại Minh là:

An, tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ. A mẫu yết, ma la dã, hồng, phát tra

ॐ वल वल वल अमच मय हूं हूं

OM CALE CULE CUṄDHE _ AMOGHA MÀRÀYA HÙM PHAṬ

Lại làm Pháp cực phá hoại Ma Oán. Đại Minh là:

An, tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ. A diên đa, ma la ni, sa-phộc hạ (1)

ॐ वल वल वल अरुग मय सु

OM CALE CULE CUṄDHE _ AJITA MÀRÀṆI _ SVÀHÀ

Lại làm Pháp Đại Tức Tai. Tùy tụng Đại Minh kèm xưng việc thành tựu mong cầu ấy. Đại Minh là:

An, tả lệ , tổ lệ, tôn nĩ, sa-phộc hạ (1)

ॐ वल वल वल सु

OM _ CALE CULE CUṄDHE _ SVÀHÀ

Lại làm Pháp Đại Kính Ai. Tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên gọi của người ấy, nói việc cần thành tựu. Đại Minh là:

Năng mặc tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ, năng mặc a diên đa, phộc thi duệ, hột-ly (1)

ॐ वल वल वल वम अरुग वपय ह्री

NAMAḤ CALE CULE CUṄDHE _ NAMAḤ AJITA VA'SIYE _ HRÌḤ

Lại làm Pháp Đại Câu Triệu. Đại Minh là:

Tả lệ, tổ lệ, tôn nỉ, hột-li (1)

𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂

CALE CULE CU^{NDHE} _ HRÌH

Lại làm Pháp cực hoại (làm hư nát hết) đại oán. Tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên của người đó, nói việc cần làm.

Hồng- An, tả lệ, tổ lệ, tôn nỉ, hồng_ A diên đồ tả tra (xưng việc...) phát tra, tả lệ, tổ lệ, tôn nễ, phát tra (1)

𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂 𑖀𑖂

HUM _ OM CALE CULE CU^{NDHE} HUM _ AJITA UCCÀṬA (xưng việc cần làm.....) PHAT _ CALE CULE CU^{NDHE} PHAT

Đại Minh của nhóm như vậy, mỗi mỗi đều tùy theo nơi tác Pháp. Xưng nói việc ấy thì không có gì không thành tựu.

Chư Phật đã nói :” *Giáo của Tôn Na Bồ Tát hay thỏa mãn nguyện của tất cả chúng sinh*”.

Dùng **Tụng** ca ngợi rằng:

Nhóm Công Đức Tôn Na

Tâm vắng lặng thường trì

Tất cả các nạn lớn

Không thể phạm người đó

Trên Trời với Thế Gian

Thọ phước ngang bằng Phật

Theo báu Như Ý ấy

Quyết định không gì hơn

PHẬT NÓI KINH TRÌ MINH TẠNG DU GIÀ ĐẠI GIÁO
TÔN NA BỒ TÁT ĐẠI MINH THÀNH TỰU NGHI QUỶ
QUYỂN THỨ TƯ (Hết)

Hiệu chỉnh xong một Bộ, 4 quyển vào ngày 02/09/2008